

Số: ~~KT~~/TM-BVM&DL

Hải Dương, ngày 21 tháng 09 năm 2023

V/v mời chào giá các mặt hàng hóa chất vật tư
xét nghiệm, siêu âm và các loại vật phục vụ
chuyên môn

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/06/2023 của BYT về việc quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ tờ trình của khoa dược và quyết định phê duyệt ngày 14/06/2003 về việc mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, siêu âm và các loại vật tư phục vụ chuyên môn.

Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương có nhu cầu nhận báo giá các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, siêu âm và các loại vật tư (danh mục đính kèm) để làm căn cứ tham khảo, xây dựng giá gói thầu: “mua sắm hóa chất vật tư xét nghiệm, siêu âm và các loại vật phục vụ chuyên môn” để đảm bảo đơn vị có cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của pháp luật với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Nguyễn Thị Mai Yên : 0974507113
Võ Thị Giang : 0988244622
- Cách thức tiếp nhận báo giá :
- Nộp trực tiếp tại địa chỉ: **Tổ đấu thầu** Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương, Ngõ 144 Quang Trung, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương hoặc gửi chuyển phát nhanh 01 bản cứng có đóng dấu và gửi 01 bản scanner PDF về địa chỉ Email: todauthauhd@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 21 tháng 09 năm 2023 đến 17h ngày 2 tháng 10 năm 2023.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 2 tháng 10 năm 2023.

II Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế

DANH MỤC HOÁ CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, SIÊU ÂM VÀ CÁC LOẠI VẬT TƯ PHỤC VỤ CHUYÊN MÔN

Phần thầu số 1 : Hóa chất xét nghiệm Huyết học theo máy Sysmex (XN - 330)

STT	Danh Mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Dung dịch đếm hồng cầu	Công dụng: dung dịch đo nồng độ huyết sắc tố Bảo quản: ở 2 - 30 độ C Thành phần: Sodium Lauryl Sulfate 1.7 g/l	6	Lít
2	Dung dịch pha loãng	Công dụng: sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu Bảo quản: 2 - 35 độ C Thành phần: Sodium chloride 0.7%; Tris buffer 0.2%; EDTA-2K 0.02%	300	Lít
3	Dung dịch ly giải tế bào	Công dụng: sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes Bảo quản: 2 - 35 độ C Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.07%; Nonionic surfactant 0.17%	15	Lít
4	Dung dịch nhuộm tế bào	Công dụng: sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes Thành phần: Polymethine 0.002%; methanol 3.0%; Ethylene Glycol 96.9%	168	ml
5	Dung dịch rửa máy	Công dụng: dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống Thành phần: Sodium Hypochlorite (có chứa clo tỷ lệ 5,0%)	400	ml
6	Chất kiểm chuẩn mức 1	Lọ 3ml x 1	12	ml
7	Chất kiểm chuẩn mức 2	Lọ 3ml x 1	12	ml

8	Chất kiểm chuẩn mức 3	Lọ 3ml x 1	12	ml
---	-----------------------	------------	----	----

Phân thầu số 2: Hóa chất xét nghiệm sinh hóa

STT	Danh Mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Direct Bilirubin	<p>Định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh, huyết tương người.</p> <p>- Thành phần: R1: Sulfamic acid ≥ 100 mM; R2: 2,4-DPD ≥ 0.5 mM; Hydrochloric acid (HCL) ≥ 0.3 M.</p> <p>- Quy cách: Hộp $\geq (1 \times 240$ mL + 1 x 60 mL)</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.</p>	900	ml
2	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin total	<p>Định lượng Bilirubin toàn phần trong máu toàn phần người.</p> <p>- Thành phần: R 1: Surfactants: < 1%; Hydrochloric acid (HCl): ≥ 160 mM; R2: 2,4-DPD: ≥ 2 mM; Hydrochloric acid (HCl): ≥ 120 mM; Surfactants: < 1%.</p> <p>- Quy cách: Hộp $\geq (1 \times 240$ mL + 1 x 60 mL)</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.</p>	900	ml
3	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	<p>Định lượng Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu người.</p> <p>- Thành phần: PIPES pH 6,9: ≥ 90 mmol/L; Phenol: ≥ 26 mmol/L; Cholesterol esterase (CHE): ≥ 1000 U/L; Cholesterol oxidase (CHOD): ≥ 300 U/L; Peroxidase (POD): ≥ 650 U/L; 4 - Aminophenazone (4-AP): $\geq 0,4$mmol/L</p> <p>- CHOLESTEROL CAL: Cholesterol dung dịch nước tiêu chuẩn chính ≥ 200 mg/dL; Chứa Triton X-114: 10-15%</p> <p>- Quy cách: Hộp $\geq (10 \times 25$ mL)</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.</p>	1000	ml
4	Hóa chất xét nghiệm Glucose	<p>Định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương, dịch não tủy người.</p> <p>Thành phần: R1: Tris pH 8.25: ≥ 92mmol/l; Phenol: ≥ 0.3mmol/l; Glucose oxidase (GOD) ≥ 15000U/L; Peroxidase (POD): ≥ 1000u/L; 4-Aminophenazone (4-AP): ≥ 2.6mmol/l;</p>	6000	ml

		<ul style="list-style-type: none"> - Glucose CAL: nồng độ Glucose: $\geq 100\text{mg/dl}$. - Quy cách: Hộp $\geq (2 \times 250 \text{ mL})$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. 		
5	Hóa chất xét nghiệm GOT /ASAT (men tế bào:gan,tim)	<ul style="list-style-type: none"> Định lượng GOT trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: R1: Tris pH 8.25: $\geq 80\text{mmol/l}$; Lactate dehydrogenase (LDH): $\geq 800\text{U/L}$; Malate dehydrogenase (MDH): $\geq 600\text{U/L}$, L-Aspartate: $\geq 200\text{mmol/l}$; R2: NADH: $\geq 0.18 \text{ mmol/l}$; A-Ketoglutarate: $\geq 12 \text{ mmol/l}$ - Quy cách: Hộp $\geq (1 \times 240 \text{ mL} + 1 \times 60 \text{ mL})$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. 	1200	ml
6	Hóa chất xét nghiệm GPT /ALT (Men gan)	<ul style="list-style-type: none"> Định lượng GPT trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: R1: Tris pH 7.8: $\geq 100 \text{ mmol/l}$; Lactate dehydrogenase (LDH): $\geq 1200 \text{ U/L}$; L-Alanine: $\geq 500\text{mmol/l}$; R2: NADH: $\geq 0.18 \text{ mmol/l}$; α-Ketoglutarate: $\geq 15 \text{ mmol/l}$ - Quy cách: Hộp $\geq (1 \times 240 \text{ mL} + 1 \times 60 \text{ mL})$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. 	1200	ml
7	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	<ul style="list-style-type: none"> Định lượng Triglycerides trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: R: GOOD pH 6.3: $\geq 50 \text{ mmol/L}$; p-Chlorophenol: $\geq 2 \text{ mmol/L}$; Lipoprotein lipase (LPL): $\geq 150.000 \text{ U/L}$; Glycerol kinase (GK): $\geq 500 \text{ U/L}$; Glycerol-3-oxidase (GPO): $\geq 3500 \text{ U/L}$; Peroxidase (POD): $\geq 440 \text{ U/L}$; 4-Aminophenazone (4-AP) $\geq 0,1 \text{ mol/L}$; ATP: $\geq 0,1 \text{ mmol/L}$. - Quy cách: Hộp $\geq (10 \times 25 \text{ mL})$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. 	1000 600	ml ml
8	Hóa chất xét nghiệm Urea	<ul style="list-style-type: none"> Định lượng Urê trong huyết máu người. Thành phần: R1 Buffer: TRIS pH 7,8: $\geq 80 \text{ mmol/L}$; α-Ketoglutarate: $\geq 6 \text{ mmol/L}$; Urease: $\geq 75000 \text{ U/L}$; R2 Enzymes: GLDH: $\geq 60000 \text{ U/L}$; NADH: $\geq 0,32 \text{ mmol/L}$ - UREA CAL: Urea aqueous primary standard: $\geq 50 \text{ mg/dL}$ - Quy cách: Hộp $\geq (1 \times 240 \text{ mL} + 1 \times 60 \text{ mL})$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương. 	72	ml
9	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm sinh hoá	<ul style="list-style-type: none"> Chất hiệu chuẩn huyết thanh cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. - Quy cách: Hộp $\geq 12 \text{ mL} (4 \times 3 \text{ mL})$ 	80	ml

		- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.		
10	QC mức thường cho các xét nghiệm sinh hoá.	Chất kiểm soát huyết thanh đa thành phần ở mức thường dùng cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. Thành phần: Huyết thanh người. Phụ gia sinh học. Tác nhân kim khuẩn. - Quy cách: Hộp ≥ 20 mL (4 x 5 mL) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.	80	ml
11	QC mức bệnh lý cho các xét nghiệm sinh hoá.	Chất kiểm soát huyết thanh đa thành phần ở mức bệnh lý dùng cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. Thành phần: Huyết thanh người. Phụ gia sinh học. Tác nhân kim khuẩn. - Quy cách: Hộp ≥ 20 mL (4 x 5 mL) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.	9	Chai

Phần thầu số 3: Băng, Dung dịch sát khuẩn vết thương, khử trùng dụng cụ

STT	Danh Mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Bông (gòn)	Sản xuất 100% bông xơ thiên nhiên dùng trong lĩnh vực y tế hoặc gia dụng (chăm sóc vết thương, thấm hút chất dịch, vệ sinh bề mặt da,...) Bông dạng dải được xếp thành dạng cuộn để người sử dụng có thể tạo ra các miếng kích thước tùy ý.	198	Kg
2	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Chlorhexidine Digluconate 4%, diệt và loại trừ vi khuẩn, nấm trên tay. Mềm mại với da tay, tác dụng diệt khuẩn kéo dài. Sử dụng cho phẫu thuật viên trước khi phẫu thuật.	63	Lít
3	Dung dịch rửa tay thủ thuật	Chlorhexidine Digluconate 2%, diệt và loại trừ vi khuẩn, tác động diệt khuẩn kéo dài 4-6 giờ. Sử dụng rửa tay thường quy.	75	Lít
4	Dung dịch rửa tay nhanh	75% Ethanol, 8% Isopropyl Alcohol, 0,5% Chlohexidine Digluconate. Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh, có chất dưỡng da. Có khả năng diệt hầu hết các loại vi khuẩn, nấm.	153	Lít
5	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao chứa 0,55% Ortho-Phthalaldehyde, pH=7 Thời gian ngâm tay 5 phút. Dung dịch trong chậu ngâm sử dụng trong thời gian tối đa là 14 ngày (kiểm tra nồng độ dung dịch ngâm bằng test thử).	20	Lít
6	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	dung dịch trong suốt màu xanh, Glutaraldehylen 2%, PH6, là dung dịch pha sẵn không cần lọ hoạt hóa. Khử khuẩn mức độ cao, tiệt khuẩn lạnh dụng cụ nội soi và các dụng cụ không chịu nhiệt. Thời gian ngâm khử khuẩn 10 phút, tái sử dụng tối đa 30 ngày.	20	Lít

7	Viên khử khuẩn 2,5g	50% Sodium Dichloroisocyanurate, dạng viên sủi tan nhanh trong nước, khử khuẩn chất thải y tế, khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế. PH 5,5 - 6,5	2200	Viên
8	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ có hoạt tính Enzyme	Aniosyme Synergy 5 với sự kết hợp 5 enzym (Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase) tẩy rửa hiệu quả cao với mọi chất bẩn, hiệu quả sau 1 phút, PH trung tính.	12	Lít
9	Povidone 10% 100ml	Diệt khuẩn, dùng để sát khuẩn da trong phẫu thuật, tiêm chích, chọc dò, đặt catheter, lấy máu, povidone 10%. Lọ 100ml	1095	Lọ

Phần thầu số 4: Bơm tiêm

STT	Danh Mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Bơm tiêm nhựa 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 26Gx1 1/2"; gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO.	2935	Cái
2	Bơm tiêm nhựa 3ml	- Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế - Dung tích bơm tiêm: 3 ml/cc - Kim bằng thép không gỉ, kích thước kim: 23Gx1"-25Gx1" - Khử trùng bằng khí E.O, không độc, không gây sốt	50	Cái
3	Bơm tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO.	36.330	Cái
4	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO.	7.334	Cái

Phần thầu số 5: Kim khâu phẫu thuật

STT	Danh Mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Bơm tiêm insulin 1ml	Kim 30Gx1/2", Đầu kim vát 3 cạnh sắc ngọt, xilanh được làm bằng nhựa y tế không chứa DEHP	1000	Cái
2	Kim cánh bướm các cỡ	Kim 21Gx3/4, 23Gx3/4, 24Gx3/4, 25Gx3/4, 26Gx3/4. Ống dây truyền dài 300mm, Đầu kim vát ba cạnh giúp tiêm sắc ngọt.	1959	Cái
3	Kim lấy máu, lấy thuốc các cỡ	Kim 26Gx1/2", 25Gx5/8", 25Gx1", 24Gx1", 23Gx1", 22Gx1 1/4", 21Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 18Gx1 1/2". Đầu kim vát ba cạnh giúp tiêm sắc ngọt, sản phẩm được khử	10572	Cái

		trùng bằng khí EO.		
Phần thầu số 6: Dây truyền dịch				
STT	Danh Mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	đơn vị tính
1	Dây truyền dịch kèm kim cánh bướm đôi	Dây truyền dịch có dây dẫn dài 1750 mm. Tiệt trùng bằng khí EO không độc hại. Hàng hóa được đóng trong bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2x2cm, bình thủy có hai tai định hướng. Có kim cánh bướm, kim 23G x 1/2. Kim 22G x 1/2.	2650	Bộ
Phần thầu số 7: Dung dịch rửa vết thương				
STT	Danh Mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	đơn vị tính
1	Cồn 90 độ	Sát trùng dụng cụ y tế. Chai 500ml	991	Chai

2.Địa điểm cung cấp, lắp đặt;các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt , bảo quản thiết bị y tế : Giao hàng tại Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương

3.Thời gian giao hàng dự kiến: Chậm nhất 5 ngày sau khi nhận được yêu cầu (dự trừ) của bệnh viện, hoặc trong vòng 24h đối với hóa chất,vật tư y tế phục vụ cấp cứu.

4.Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng; Thanh toán theo từng lần nghiệm thu giao hàng.

5. Các thông tin khác : Quý công ty vui lòng gửi báo giá theo đúng biểu mẫu của thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Bệnh viện rất mong nhận được sự hợp tác của các Quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (để đăng tải website SYT);
- CNTT (để đăng Website BV);
- Lưu: VT, TĐT,KH,TCKT



VŨ VĂN KHOẠI



BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương, chúng tôi báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)	Thành tiền
1										
...										
...										
...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế (nếu có))

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng ngày, kể từ ngày...tháng...năm ..., kể từ ngày...tháng...năm...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá

- Những thông tin nêu trên báo giá là trung thực.

....., ngàythángnăm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu)